

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HOÀ  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 37/2022/HS-ST  
Ngày 26 tháng 7 năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Diên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đậu Đức Đông.  
2. Ông Võ Chí Công.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 14/7/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đình H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 3 năm 1980 tại thị xã T, Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Phạm Thị B, sinh năm 1943; vợ: Vi Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: An Giang H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 11 năm 1976 tại thị xã T, Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông An Giang N (chết) và bà Phan Thị G, sinh năm 1954; vợ: Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1980 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: Trần Ngọc T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 3 năm 1965 tại thị xã T, Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1940; vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1965 và có 02 con, lớn sinh

năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: Trần Minh P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1993 tại thị xã T, Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: Lộc Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1968 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Làng Y, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Văn K và bà Hà Thị T (đều đã chết); vợ: Lê Thị V, sinh năm 1971 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

6. Họ và tên: Trần Quang V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 8 năm 1961 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1935; vợ: Cao Thị P, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

7. Họ và tên: Trương Công H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 6 năm 1987 tại thị xã T, Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khối S, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M, sinh năm 1956 và bà Trương Thị H, sinh năm 1957; vợ: Lê Thị K, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022, được tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965.

Trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Trần Minh T, sinh năm 1968.

Trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Người chứng kiến: Anh Lê Minh K, sinh năm 1989.

Trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 20/04/2022, sau khi đi ăn đám giỗ 49 ngày tại khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An, thì Trần Ngọc T, Trần Đình H, An Giang H, Trương Công H, Lộc Văn Đ và Trần Quang V cùng rủ nhau về nhà anh Trần

Minh T tại khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An để tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài “liêng” được thua bằng tiền. Các đối tượng thỏa thuận mỗi ván đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng (mười nghìn đồng), cao nhất là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Khi Trần Ngọc T, Trần Đ, An Giang H, Trương Công H, Lộc Văn Đ và Trần Quang V đang đánh bạc được một lúc thì có Trần Minh P đến và cùng tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, Trần Ngọc T, Trần Đình H, An Giang H, Trương Công H, Lộc Văn Đ và Trần Quang V, Trần Minh P đang tham gia đánh bạc thì bị Công an thị xã T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài màu xanh; thu giữ trên chiếu bạc số tiền 2.560.000 đồng (hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là công cụ, tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra, phát hiện thu giữ trong chiếc ví đặt ở trước vị trí ngồi của Trần Ngọc T số tiền 1.100.000 đồng (một triệu, một trăm nghìn đồng), trong đó số tiền Trần Ngọc T khai nhận sử dụng để đánh bạc là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); thu giữ trong chiếc ví đặt ở trước vị trí ngồi của Trương Công H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), H khai nhận đây là số tiền H sử dụng để đánh bạc; thu giữ trong chiếc ví đặt ở trước vị trí ngồi của Lộc Văn Đ số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), Đ khai nhận đây là số tiền Đ sử dụng để đánh bạc; thu giữ trong túi quần phía sau bên phải của Trần Đình H số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), H khai nhận đây là số tiền H sử dụng để đánh bạc; thu giữ trong ví ở túi quần phía sau của An Giang H số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) H khai nhận là số tiền H dùng để đánh bạc. Sau đó, tổ công tác Công an thị xã Thái Hòa đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tổng số tiền 7.210.000 đồng (bảy triệu, hai trăm mười nghìn đồng), một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, sau đó dẫn giải các đối tượng nêu trên về trụ sở Công an thị xã Thái Hòa để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra xác định được Trần Đình H sử dụng tổng số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc và thắng bạc số tiền 200.000 đồng; An Giang H sử dụng tổng số tiền 1.750.000 đồng để đánh bạc và thắng bạc số tiền 1.000.000 đồng; Trần Ngọc T sử dụng tổng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc và thua bạc số tiền 190.000 đồng; Trần Minh P sử dụng tổng số tiền 880.000 đồng để đánh bạc và thua bạc số tiền 680.000 đồng; Lộc Văn Đ sử dụng tổng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc và thua bạc số tiền 200.000 đồng; Trần Quang V sử dụng tổng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc và thua bạc số tiền 50.000 đồng; Trương Công H sử dụng tổng số tiền 280.000 đồng để đánh bạc và thua bạc số tiền 80.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Ngọc T, Trần Đình H, An Giang H, Trương Công H, Lộc Văn Đ và Trần Quang V, Trần Minh P sử dụng để tham gia đánh bạc với nhau trong ngày 24/04/2022 là 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 167/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 04/5/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Số tiền 7.210.000 đồng (một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) gửi giám định là tiền thật.

Tại Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 05 tháng 7 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Trần Đình H, An Giang H, Trần Ngọc T, Trần

Minh P, Lộc Văn Đ, Trần Quang V và Trương Công H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Đình H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo An Giang H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Minh P từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lộc Văn Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trương Công H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 - BLTTHS; khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng), tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Trả lại cho bà Phạm Thị Lan số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Các bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 20/4/2022, các bị cáo Trần Đình H, An Giang H, Trần Ngọc T, Lộc Văn Đ, Trần Quang V và Trương Công H có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “liêng” đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng tại nhà anh Trần Minh T thuộc khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Các bị cáo đánh bạc được một lúc thì bị cáo Trần Minh P đến cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 45 phút ngày 20/04/2022, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng). Nên hành vi của các bị cáo Trần Đình H, An Giang H, Trần Ngọc T, Trần Minh P, Lộc Văn Đ, Trần Quang V và Trương Công H đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 - BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn đánh bạc. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hay hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào cũng đều bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực

hiện. Vì vậy cần xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không xác định được người khởi xướng nhưng bị cáo H sử dụng số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc, bị cáo H sử dụng số tiền 1.750.000 đồng để đánh bạc nên các bị cáo H, H1 phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo T sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc, bị cáo P sử dụng số tiền 880.000 đồng để đánh bạc nên các bị cáo T, P phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Đ sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc, bị cáo V sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc nên các bị cáo Đ, V phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo H2 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất trong tất cả các bị cáo nên bị cáo H2 phải chịu trách nhiệm hình sự vai trò sau các bị cáo khác.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặt khác các bị cáo H, H1 đều được sinh ra trong gia đình có công với cách mạng, bị cáo H có mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến và bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Huân chương chiến sỹ giải phóng; bị cáo H1 được Trung đoàn trưởng - Trung đoàn 3 chứng nhận danh hiệu Chiến sỹ giỏi năm 2003 và bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó cần cho các bị cáo Trần Ngọc T, Trương Công H, Lộc Văn Đ, Trần Quang V, Trần Minh P hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo An Giang H và Trần Đình H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS.

[6] Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo H, H1, T, P đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo H, H1, T, P được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 - BLHS như lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa cũng đủ nghiêm.

Đối với các bị cáo Đ, V thấy rằng: Các bị cáo phạm tội ở vai trò thứ ba trong vụ án và đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đ, V theo quy định tại Điều 36 - BLHS cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo H3 thấy rằng: Bị cáo phạm tội ở vai trò sau cùng trong vụ án, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chưa cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo H theo

quy định tại điều 35 - BLHS cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 - BLHS thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và khoản 3 Điều 36 - Bộ luật hình sự thì trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét các bị cáo H, H1, T, P đều có nghề nghiệp là thợ mộc, thu nhập bình quân mỗi bị cáo từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; bị cáo Đ có nghề nghiệp là thợ mộc, bị cáo V nghề nghiệp lao động tự do, có thu nhập bình quân của các bị cáo Đ, V mỗi tháng 4.000.000 đồng. Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, H1, T, P. Đối với các bị cáo Đ, V cần khấu trừ 15% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo trong thời gian chấp hành án. Đối với bị cáo H3 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án: Khi bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã thu giữ các vật chứng gồm: Số tiền 7.210.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài.

Xét trong số tiền 7.210.000 đồng mà Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã thu giữ có số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng) các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng) và tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội theo khoản 2, Điều 106 - BLTTHS; khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với số tiền 500.000 đồng hiện đang tạm giữ theo Ủy nhiệm chi lập ngày 06/7/2022 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền này người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L đã đưa cho bị cáo Trần Ngọc T để đi mua thức ăn cho gia súc không liên quan đến số tiền bị cáo T sử dụng đánh bạc. Tại phiên tòa bà L vắng mặt nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt, bà L xin nhận lại số tiền trên. Do đó cần trả lại số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho bà Phạm Thị L theo khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

[9] Đối với Trần Minh T là chủ nhà nơi các đối tượng tham gia đánh bạc vào ngày 20/4/2022. Quá trình điều tra xác định, khi các đối tượng đến nhà anh Trần Minh T để tham gia đánh bạc thì Trần Minh T do say rượu nên đã ngủ trong phòng ngủ của mình nên không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình. Do vậy, Trần Minh T không phạm tội.

[10]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Đình H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo An Giang H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Giao các bị cáo Trần Đình H, An Giang H về cho UBND phường H, thị xã T; các bị cáo Trần Ngọc T, Trần Minh P về cho UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo H, H1, T, P thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 - Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo H, H1, T, P cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo H, H1, T, P phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Lộc Văn Đ 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) (15%/tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 20/4/2022 đến ngày 23/4/2022) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) (15%/tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Đ, V được tính từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lộc Văn Đ về cho UBND xã N, huyện N; bị cáo Trần Quang V về cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS:

Xử phạt tiền bị cáo Trương Công H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng), tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Trả lại cho bà Phạm Thị L số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Ủy nhiệm chi lập ngày 06/7/2022 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà và biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Đình H, An Giang H, Trần Ngọc T, Trần Minh P, Lộc Văn Đ, Trần Quang V và Trương Công H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo; người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Văn Diên**